

## GIẤY PHÉP

### THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

#### THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;

Xét Đơn số 1364/HĐQT-TCB ngày 14/7/2015, số 1986/HĐQT-TCB ngày 30/10/2015, số 1358/HĐQT-TCB ngày 26/10/2017 đề nghị cấp đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0040/QĐ-NH5 ngày 06/8/1993 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank.

- Tên viết tắt: Techcombank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam là 11.655.307.200.000 đồng (bằng chữ: Mười một nghìn sáu trăm năm mươi lăm tỷ ba trăm linh bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam là 99 năm kể từ ngày 06/8/1993.

**Điều 4.** Nội dung hoạt động:

Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;

2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước.

3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5) Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11) Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy

động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

19) Lưu ký chứng khoán.

20) Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

21) Mua nợ.

22) Ví điện tử.

23) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP ngày 06/8/1993, Quyết định số 143/QĐ-NH5 ngày 06/8/1993 về việc cấp Giấy phép hoạt động cho Techcombank, Quyết định số 1064/QĐ-NHNN ngày 19/7/2005, Quyết định số 1062/QĐ-NHNN ngày 29/4/2010, Quyết định số 2693/QĐ-NHNN ngày 19/12/2011, Quyết định số 2261/QĐ-NHNN ngày 15/10/2013, Quyết định số 1563/QĐ-NHNN ngày 07/08/2015, Quyết định số 23/QĐ-NHNN ngày 12/01/2016, Quyết định số 401/QĐ-NHNN ngày 24/03/2016, Quyết định số 1335/QĐ-NHNN ngày 27/06/2017, Quyết định số 1903/QĐ-NHNN ngày 08/09/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Công văn số 4055/NHNN-CNII ngày 03/06/2009 về việc thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm.

Giấy phép kinh doanh vàng miếng số 273/GP-NHNN ngày 28/12/2012 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam tiếp tục có hiệu lực thi hành.

**Điều 7.** Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hà Nội, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam).

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND TP Hà Nội; (để p/h)
- Bộ Công an (Tổng Cục An ninh);
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH (3 bản).

